



TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 7835-X08:2014
ISO 105-X08:1994

Xuất bản lần 1

VẬT LIỆU DỆT –
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH ĐỘ BỀN MÀU –
PHẦN X08: ĐỘ BỀN MÀU VỚI QUÁ TRÌNH KHỬ KEO

Textiles – Tests for colour fastness –
Part X08: Colour fastness to degumming

HÀ NỘI – 2014

Lời nói đầu

TCVN 7835-X08:2014 hoàn toàn tương đương với ISO 105-X08:1994. ISO 105-X08:1994 đã được rà soát và phê duyệt lại vào năm 2009 với bố cục và nội dung không thay đổi.

TCVN 7835-X08:2014 do Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 38 *Vật liệu dệt* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Vật liệu dệt – Phương pháp xác định độ bền màu – Phần X08: Độ bền màu với quá trình khử keo

*Textiles – Tests for colour fastness –
Part X08: Colour fastness to degumming*

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định phương pháp xác định độ bền màu của tất cả các loại vật liệu dệt, ngoại trừ xơ rời, đối với tác động của các dung dịch xà phòng cũng như các dung dịch được sử dụng trong quá trình khử keo tơ tằm nguyên liệu.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 4536:2002 (ISO 105-A01:1994)¹⁾, *Vật liệu dệt – Phương pháp xác định độ bền màu – Phần A01: Quy định chung*

TCVN 5466:2002 (ISO 105-A02:1993), *Vật liệu dệt – Phương pháp xác định độ bền màu – Phần A02: Thang màu xám để đánh giá sự thay đổi màu*

TCVN 5467:2002 (ISO 105-A03:1993), *Vật liệu dệt – Phương pháp xác định độ bền màu – Phần A03: Thang màu xám để đánh giá sự dây màu*

ISO 105-F:1985²⁾, *Textiles – Tests for colour fastness – Part F: Standard adjacent fabrics* (Vật liệu dệt – Phương pháp xác định độ bền màu – Phần F: Các vải thử kèm chuẩn)

3 Nguyên tắc

Mẫu thử vật liệu dệt tiếp xúc với các vải thử kèm được xử lý bằng dung dịch xà phòng, sau đó giữ và sấy khô mẫu thử. Sự thay đổi màu của mẫu thử và sự dây màu của các vải thử kèm được đánh giá bằng cách so sánh với các thang xám.

¹⁾ TCVN 4536:2002 (ISO 105-A01:1994) hiện nay đã hủy và thay thế bằng TCVN 7835-A01:2011 (ISO 105-A01:2010)

²⁾ ISO 105-F:1985 thay thế bằng ISO 105-F01 đến ISO 105-F10 (được chấp nhận thành TCVN 7835-F01 đến TCVN 7835-F10)

4 Thiết bị, dụng cụ và thuốc thử

4.1 Bình, có dung tích 500 ml, **được lắp ống sinh hàn** phù hợp

4.2 Xà phòng, có độ ẩm không quá 5 % và tuân theo các yêu cầu sau dựa trên khối lượng khô:

- Kiểm tự do, được tính theo Na_2CO_3 : tối đa 0,3 g/kg
- Kiểm tự do, được tính theo NaOH: tối đa 1 g/kg
- Tổng các chất béo: tối thiểu 850 g/kg
- Độ chuẩn của các axit béo hỗn hợp được chuẩn bị từ xà phòng: tối đa 30 °C
- Trị số iot: tối đa 50

Xà phòng phải không có chất tăng trắng quang học.

4.3 Dung dịch xà phòng, chứa 7 g xà phòng (4.2) trên lít nước loại 3 (4.5)

4.4 Natri cacbonat, khan (Na_2CO_3)

4.5 Nước loại 3, [xem TCVN 4536:2002 (ISO 105-A01:1994), điều 8.1]

4.6 Hai miếng vải thử kèm xơ đơn, một miếng làm từ tơ tằm nguyên liệu, phù hợp với phần F06 của ISO 105-F:1985, miếng còn lại làm từ loại vải tương tự như vải của vật liệu dệt được thử hoặc là các xơ có tỷ lệ pha lớn trong vải pha, phù hợp với các phần có liên quan từ F01 đến F08 của ISO 105-F:1985.

4.7 Thang xám để đánh giá sự thay đổi màu phù hợp với TCVN 5466 (ISO 105-A02), và **thang xám để đánh giá sự dãn màu** phù hợp với TCVN 5467 (ISO 105-A03).

5 Mẫu thử

5.1 Nếu vật liệu dệt được thử là vải, giữ chắc một mẫu thử có kích thước 40 mm x 100 mm giữa hai miếng vải thử kèm xơ đơn (4.6), cũng có kích thước 40 mm x 100 mm, bằng cách khâu dọc theo một cạnh ngắn.

5.3 Nếu vật liệu dệt được thử là sợi thì đan sợi thành vải và xử lý như trong 5.1, hoặc tạo một lớp có các chiều dài sợi song song giữa hai miếng vải thử kèm (4.6), lượng sợi sử dụng gần bằng một nửa khối lượng kết hợp của các vải thử kèm. Khâu dọc theo tất cả bốn cạnh để giữ sợi tại chỗ và tạo thành một mẫu thử ghép.

6 Cách tiến hành

6.1 Xử lý mẫu thử ghép trong bình (4.1) trong 10 min dưới dòng hồi lưu dung dịch xà phòng (4.3) sôi nhẹ ở dung tỷ 100:1.

6.2 Sau 10 min, thêm 0,5 g natri cacbonat khan (4.4) trên lít dung dịch xà phòng đun sôi và giữ sôi nhẹ thêm 110 min nữa (tổng thời gian là 2 h).

6.3 Lấy mẫu thử ghép ra khỏi dung dịch xà phòng, giữ hai lần trong nước mát loại 3 (4.5) và sau đó giữ dưới vòi nước mát trong 10 min. Vắt kiệt mẫu thử ghép, mở mẫu thử (bằng cách tháo đường khâu ở tất cả các cạnh, để lại một cạnh ngấn, nếu cần thiết) và sấy khô mẫu thử bằng cách treo trong không khí ở nhiệt độ không quá 60 °C với ba phần, chỉ tiếp xúc ở đường khâu còn lại.

6.4 Đánh giá sự thay đổi màu của mẫu thử và sự dây màu của các vải thử kèm bằng cách so sánh với các thang xám (4.7).

7 Báo cáo thử nghiệm

Báo cáo thử nghiệm phải bao gồm các thông tin sau:

- a) Viện dẫn tiêu chuẩn này;
 - b) Tất cả các chi tiết cần thiết để nhận biết mẫu đã thử;
 - c) Số của cấp màu thang xám đối với sự thay đổi màu của mẫu thử;
 - d) Số của cấp màu thang xám đối với sự dây màu của từng loại vải thử kèm sử dụng.
-